

Số: 78/KH-NTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II – Cấp Tiểu học
Năm học 2025 – 2026

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn 1557/SGDDT-GDPT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026;

Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm xây dựng Kế hoạch tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II năm học 2025 – 2026 đối với khối Tiểu học như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện và hoàn thành tốt một trong những nhiệm vụ chuyên môn của năm học theo quy định của ngành.

- Là cơ sở để lãnh đạo đơn vị, giáo viên đánh giá quá trình tổ chức dạy học, rút ra những kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, quản lý và thực hiện của đơn vị, góp phần thúc đẩy việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá để nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Yêu cầu

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Kiểm tra định kỳ cuối năm học là một trong những điều kiện để xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học. Đồng thời chuẩn bị cho hoạt động bàn giao, nghiệm thu chất lượng dạy học giữa các khối lớp trong trường tiểu học và giữa trường tiểu học với trường trung học cơ sở (THCS).

- Việc tổ chức kiểm tra định kỳ cuối năm học phải được thực hiện nghiêm túc, nhẹ nhàng, thân thiện, công bằng, khách quan.

- Các khối lớp cần có kế hoạch ôn tập, phụ đạo cho HS tiếp thu chậm và gặp khó khăn trong học tập. Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà, không soạn đề cương, bài mẫu bắt buộc HS làm, không tổ chức học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn cho HS cách tự học, ôn tập.

- Thông báo lịch kiểm tra đến CMHS để CMHS cùng nhà trường chăm lo sức khỏe và nhắc nhở HS tự ôn tập. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho HS và CMHS.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng

Học sinh khối 1 đến khối 5

2. Thời gian – Hình thức

* Thời gian:

- **Khối 5**

Thứ ngày	Thời gian	Môn	Ghi chú
Thứ Hai 11/5/2026	13 giờ 30 – 14 giờ 5 phút	Công nghệ	
Thứ Ba 12/5/2026	7 giờ 30 phút – 8 giờ 5 phút	Lịch sử & Địa lí	
Thứ Tư 13/5/2026	7 giờ 30 phút – 8 giờ 5 phút	Khoa học	
Thứ Năm 14/5/2026	7 giờ 30 phút – 8 giờ 45 phút	Tiếng Việt (Đọc hiểu, viết)	
Thứ Sáu 15/5/2026	7 giờ 30 phút – 8 giờ 5 phút	Toán	
	13 giờ 30 – 14 giờ 50 phút	Tiếng Việt (Đọc thành Tiếng)	
Thứ Hai 18/5/2026	13 giờ 30 – 14 giờ 5 phút	Tiếng Anh	

- **Khối 1,2,3,4**

Thứ ngày	Thời gian	Môn	Khối
Thứ Hai 11/5/2026	13 giờ 30 – 14 giờ 5 phút	Công nghệ	3,4
Thứ Ba 12/5/2026	7 giờ 30 phút – 8 giờ 5 phút	Lịch sử & Địa lí	4
Thứ Tư 13/5/2026	7 giờ 30 phút – 8 giờ 5 phút	Khoa học	4
Thứ Năm 14/5/2026	13 giờ 30 phút – 14 giờ 45 phút	Tiếng Việt (Đọc hiểu, viết)	1,2,3,4
Thứ Sáu 15/5/2026	8 giờ 40 – 9 giờ 15 phút	Toán	1,2,3,4
Thứ Hai 18/5/2026	13 giờ 30 – 14 giờ 5 phút	Tiếng Anh	4
Thứ Ba 19/5/2026	7 giờ 30 phút – 8 giờ 5 phút	Tiếng Anh	3
	8 giờ 10 phút – 8h 45 phút		2
	8 giờ 50 phút – 9 giờ 25 phút		1

* Hình thức: Kiểm tra tập trung theo đơn vị lớp

Lưu ý:

- Môn Tiếng Anh (kỹ năng nói), môn Tin học giáo viên bộ môn chủ động kiểm tra theo thời khóa biểu từng lớp Từ ngày 6/5/2026 đến ngày 19/5/2026

- Môn Tiếng Việt đọc thành tiếng khối 1,2,3,4, giáo viên chủ nhiệm chủ động kiểm tra từ ngày 11/5/2026 đến ngày 22/5/2026

3. Nội dung kiểm tra

3.1. Môn Toán

- Thời gian làm bài: 35 phút
- Hình thức: trắc nghiệm 3 điểm, tự luận 7 điểm
- Đối với các mạch kiến thức:
 - + Số học (khoảng 50% -75%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.
 - + Hình học và đo lường (khoảng 15% - 45%): tập trung về các bảng đơn vị đo, cách tính chu vi diện tích, nhận dạng hình học.
 - + Thống kê - xác suất, hoạt động trải nghiệm (khoảng 5-10%) Xoay quanh các nội dung trọng tâm chương trình đã học.
 - + Giải toán có lời văn được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Lưu ý:

Lớp 1 : Đọc bài toán điền số, điền từ và phép tính...

Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính.

Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính

Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính

Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính

3.2. Môn Tiếng Việt

- Thời gian kiểm tra các kỹ năng như sau:
 - + Tiếng Việt (đọc hiểu) : 35 phút
 - + Tiếng Việt (viết) 35 phút (lớp 2,3 học sinh viết chính tả 15 phút; tập làm văn: 20 phút).
 - + Tiếng Việt (đọc thành tiếng): Đọc thành tiếng mỗi em đọc 01 bài tập đọc đã học (khoảng 1 phút) trả lời 01 câu hỏi về nội dung bài đọc.
- Nội dung đề thi được xây dựng theo ma trận đã hướng dẫn, yêu cầu đảm bảo mức độ chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung kiểm tra theo từng khối lớp (dạng bài đọc thầm, đọc thành tiếng, chính tả, tập làm văn, số lượng câu hỏi theo từng phần).

***Lưu ý: Tất cả các đề Tiếng Việt đọc tiếng, đọc hiểu và viết đều không nằm trong bộ sách CTST.**

Trong đó:

*** Lớp 1:**

- Đọc tiếng (6 điểm): Đọc vừa đủ nghe, tốc độ khoảng 60 tiếng/ phút
- Đọc hiểu (4 điểm): Ngữ liệu gồm các văn bản :

+ Văn bản văn học: Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn, đoạn văn miêu tả; Đoạn thơ, bài thơ gồm cả đồng dao (*Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 – 130 chữ, thơ khoảng 50 – 70 chữ*).

+ Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi với học sinh (*độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ*).

- Viết: Phần viết (8 điểm) gồm: Nghe viết đoạn văn ngắn khoảng 35 chữ/15 phút;

Bài tập (2 điểm): Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe; Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý; Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu về bản thân.

* Lớp 2:

- Đọc tiếng (4 điểm): HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ khoảng 70 tiếng/ 1 phút.

- Đọc hiểu (6 điểm): Hiểu văn bản (2 điểm), kiến thức LTVC (4 điểm). Ngữ liệu gồm các văn bản sau:

+ Văn bản văn học: Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả; Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè (*Độ dài của văn bản: truyện khoảng 180 – 200 chữ, bài miêu tả khoảng 150 – 180 chữ, thơ khoảng 70 – 90 chữ*)

+ Văn bản thông tin: Văn bản giới thiệu về loài vật, đồ dùng; văn bản hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu (*Độ dài của văn bản: khoảng 110 – 140 chữ*).

- Viết:

+Viết chính tả (4 điểm): Nghe-viết khoảng 50 - 55 chữ /15 phút.

+ Tập làm văn (6 điểm) : Nói đáp trong từng tình huống (1 điểm); Viết đoạn văn ngắn dựa vào gợi ý khoảng 4-5 câu.(5 điểm)

* Lớp 3:

- Đọc tiếng: 4 điểm (HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ 80 tiếng/ 1 phút:

- Đọc hiểu (6 điểm): Hiểu văn bản (3,5 điểm), kiến thức LTVC (2,5 điểm). Ngữ liệu gồm các văn bản sau:

+ Văn bản văn học: Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả; Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè (*Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 – 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 – 200 chữ, thơ khoảng 80 – 100 chữ*).

+ Văn bản thông tin: Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc (*Độ dài của văn bản: khoảng 120 – 150 chữ*).

- Viết:

+ Viết chính tả (4 điểm): Nghe-viết khoảng 70 - 75 chữ /15 phút.

+ Tập làm văn (6 điểm) (viết được đoạn văn ngắn khoảng 8-10 câu).

* Lớp 4:

- Đọc tiếng (2 điểm): HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ 90 tiếng/ 1 phút.

- Đọc hiểu (8 điểm): Hiểu văn bản (5 điểm) gồm 4 câu trắc nghiệm, 3 câu tự luận; kiến thức LTVC (3 điểm) gồm 2 câu trắc nghiệm, 2 câu tự luận. Ngữ liệu gồm các văn bản:

+ Văn bản văn học: Truyện cổ, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả; Đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Kịch bản văn học (*Độ dài của văn bản: truyện, kịch bản khoảng 280 – 330 chữ, bài miêu tả khoảng 200 – 250 chữ, thơ khoảng 100 – 120*)

+ Văn bản thông tin: Văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi; Báo cáo công việc (*Độ dài của văn bản: khoảng 150 – 180 chữ*)

- Viết (10 điểm): Viết được một bài văn hoặc một bức thư ngắn khoảng 17- 20 câu.

* **Lớp 5:**

- Đọc tiếng (2 điểm): HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ 100 tiếng/ 1 phút:

- Đọc hiểu (8 điểm): Hiểu văn bản (5 điểm) gồm 4 câu trắc nghiệm, 3 câu tự luận; kiến thức LTVC (3 điểm) gồm 2 câu trắc nghiệm, 2 câu tự luận. Ngữ liệu gồm các dạng văn bản sau:

+ Văn bản văn học: Truyện dân gian, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng; đoạn (bài) văn miêu tả; Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Kịch bản văn học (*Độ dài của văn bản: truyện và kịch bản khoảng 300 – 350 chữ, bài miêu tả khoảng 200 – 250 chữ, thơ khoảng 110 – 130 chữ*)

+ Văn bản thông tin: Văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; Văn bản giới thiệu sách, phim; Chương trình hoạt động; quảng cáo (*Độ dài của văn bản: khoảng 230 chữ*)

- Viết (10 điểm): Viết được một bài văn khoảng 25-30 câu.

3.3. Môn Khoa học, Lịch sử -Địa lý

* Khoa học: Trắc nghiệm: 60%, tự luận 40%.

* Sử - Địa: Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

* Thời gian làm bài: 35 phút

+ Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng - Sai, điền khuyết - viết tiếp, đối chiếu cặp đôi,...)

+ Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi.

3.4. Môn công nghệ

- Đối với lớp 3, 4, 5 : học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%). Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm).

3.5. Môn Tin học

Giáo viên tin học ra đề kiểm tra, mỗi khối chuẩn bị hai đề kiểm tra và cho tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên một trong hai đề kiểm tra này.

- Đối với lớp 1, 2: Học sinh được đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, tuy nhiên kết quả đánh giá chỉ nhằm mục đích ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, không sử dụng để đánh giá kết quả giáo dục cuối kì của học sinh.

- Đối với lớp 3, 4, 5 : Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%).

Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);

+ Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy tính (tỉ lệ 50% số điểm). Kết quả bài kiểm tra định kì được chọn như một trong nhiều yếu tố để tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục. Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kì về môn học, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục cho học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

3.6. Môn Tiếng Anh

- Bài KTĐK Tiếng Anh lớp 3,4,5: Cấu trúc bài kiểm tra theo định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho học sinh tiêu học ban hành theo Quyết định 1479/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2016) gồm 04 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Mỗi kỹ năng được phân bố đều bằng 25% điểm số của toàn bài. Kiểm tra kỹ năng nói được thực hiện trước khi kiểm tra kỹ năng nghe, đọc và viết (bố trí buổi riêng).

-Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kì đối với môn Ngoại ngữ 1 ở khối lớp 3, 4 và 5; đối với khối lớp 1 và 2 chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh.

- Về hình thức: Kiểm tra 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

+ Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.

+ Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng 1 – 1,5phút/học sinh.

*** Lưu ý:** Đối với các môn (Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC, HĐTN, Đạo đức, TNXH) GV cần chủ động đánh giá hoàn thành trước **22/5/2026**.

4. Hình thức đề kiểm tra

Đề kiểm tra (viết) có hình thức sau: Đề kiểm tra kết hợp cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.

- Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

- Có thể soạn đề kiểm tra kết hợp hai hình thức: phần trắc nghiệm khách quan độc lập với bài kiểm tra phần tự luận.

- Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan:

+ Mỗi câu hỏi đưa ra 4 phương án trả lời (lớp 4,5), 3 phương án trả lời (lớp 1,2,3). Trong các đáp án đưa ra thường có 1 đáp án gây nhiễu để HS phải suy nghĩ lựa chọn.

+ Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình

- + Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng
 - + Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi phải đơn nghĩa, trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể
 - + Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong văn bản hay sách giáo khoa
 - + Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh
 - + Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức
 - + Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh
 - + Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra
 - + Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn
 - + Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, không nên hỏi đúng nhất, chính xác nhất
 - + Hạn chế đưa ra phương án “*Tất cả các đáp án trên đều đúng*” hoặc “*không có phương án nào đúng*”
 - + Thay đổi linh hoạt các hình thức trắc nghiệm (khoanh đáp án đúng, nói, điền khuyết, chọn Đúng/Sai...) không dùng duy nhất một hình thức lựa chọn khoanh vào đáp án đúng
 - Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận:
 - + Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình
 - + Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng
 - + Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới
 - + Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo
 - + Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó
 - + Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh
 - + Yêu cầu học sinh phải hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin
- Giới hạn kiến thức kiểm tra: Tuần 32**
- 5. Công tác triển khai kiểm tra**
- 5.1. Công tác ra đề**
- Căn cứ công văn 1557/SGDDĐT-GDPT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026.
 - Tổ chuyên môn xây dựng ma trận đề chung của tổ và triển khai đến giáo viên. Dựa trên ma trận chung của tổ, mỗi giáo viên chủ nhiệm soạn 1 bộ đề và nộp về cho tổ chuyên môn.
 - Tổ chuyên môn chọn lọc và nộp cho ban giám hiệu 3 bộ đề. Ban giám hiệu sẽ duyệt đề và chọn lọc lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho toàn khối.
 - Hiệu trưởng (Phó HT) chịu trách nhiệm duyệt ma trận và duyệt đề kiểm tra.
 - Thời gian nộp đề cho BGH: cuối tuần 30
 - Thực hiện đúng theo Thông tư số 27/2020/TT- BGDĐT.

- Thực hiện soạn đề theo ma trận đã thống nhất được Hiệu trưởng phê duyệt. Tất cả các đề kiểm tra phải có đáp án kèm theo và bảo mật đề kiểm tra trong cả quá trình từ ra duyệt và sao in đề.

- Việc ra đề kiểm tra phải đảm bảo được những yêu cầu sau: chính xác, khoa học, bao quát kiến thức cơ bản và đánh giá thực chất được kết quả học tập của học sinh, đảm bảo theo sát theo chuẩn kiến thức kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bổ tương đối như sau:

+ 03 mức độ: mức 1 (khoảng 50%); mức 2 (khoảng 30%); mức 3 (khoảng 20%)

+ Nội dung kiểm tra đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh. Thiết kế các mức độ của đề kiểm tra vừa sức và phù hợp với năng lực học sinh. Không ra những kiến thức của tuần kế tiếp học sinh chưa được học. Không vượt chương trình.

- Tổ trưởng chuyên môn và giáo vụ nhận đề kiểm tra đã được BGH duyệt đề bảo mật và niêm phong đề kiểm tra ngay sau khi hoàn tất việc soạn đề.

5.2. Công tác phân công giám thị coi kiểm tra

- Giám thị làm công tác coi kiểm tra theo Quyết định, nhận đề do nhà trường phát trước 10 phút. Đúng giờ phát đề cho học sinh, hướng dẫn cho học sinh ghi họ tên lớp và thực hiện công tác thu bài đúng quy định.

- Trong quá trình coi kiểm tra, giáo viên phải thực hiện nghiêm túc các quy định, lời lẽ ân cần, nhắc nhở học sinh nhẹ nhàng, không gây căng thẳng, không lớn tiếng hay dọa nạt các em. Giáo viên tuyệt đối không được giải bài, làm bài cho học sinh chép, không được sử dụng điện thoại và không làm việc riêng trong lúc coi kiểm tra.

- Đối với các trường hợp gặp sự cố không thể làm bài kiểm tra. GVCN phải thông báo cho Hội đồng thi để tổ chức kiểm tra lại bằng đề dự phòng.

5.3. Chấm bài kiểm tra

- Tổ chuyên môn thống nhất và hướng dẫn giáo viên chấm bài. Phân công chấm chéo lớp, sau đó giáo viên chủ nhiệm rà soát lại chấm lại lần 2 trước khi vào điểm. Nếu điểm chấm lại lần 2 không khớp với lần thứ nhất, Tổ, khối chuyên môn cùng thống nhất chấm lại.

- Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT.

- Lập biên bản xử lý trường hợp chấm bài sai đáp án đã triển khai.

- Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế của học sinh thật tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng, rèn luyện cho các em.

Cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt như sau:

- Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kỹ năng: kỹ năng đọc và kỹ năng Viết.

- Điểm kiểm tra cho từng kỹ năng Đọc và Viết là tổng điểm của các nội dung trong từng kỹ năng và không được làm tròn. Ví dụ: Đọc hiểu 7 điểm, Đọc tiếng 1,5 điểm

➔ Điểm kỹ năng đọc là 8,5 điểm.

- Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 kỹ năng đọc và viết quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1. Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kỹ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9.5 làm tròn số thành 10).

Cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Toán: Phần cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân.

- Bài kiểm tra được trả lại cho học sinh, giáo viên cần thông báo riêng cho cha mẹ học sinh về kết quả đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của mỗi học sinh, không công bố kết quả của từng học sinh trước lớp và không so sánh học sinh này với học sinh khác.

- Chấm chính xác theo đáp án biểu điểm và có lời nhận xét ghi nhận sự tiến bộ của học sinh hoặc những điểm cần cố gắng, không dùng những từ ngữ gây tổn thương cho học sinh, không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác.

- Giáo viên phải trả lời, giải thích đầy đủ, rõ ràng cho cha mẹ học sinh và học sinh nếu có thắc mắc hoặc khiếu nại về kết quả và điểm số, tránh để xảy ra các trường hợp khiếu nại vượt cấp.

6. Thống kê kết quả và đánh giá chất lượng

- Chuẩn bị các biểu mẫu cho giáo viên chủ nhiệm và tổ trưởng chuyên môn. Tổ chức thống kê kết quả và đánh giá chất lượng học sinh.

- Sau khi hoàn thành chấm bài giáo viên thực hiện trả bài, lưu hồ sơ đúng quy định.

Giáo viên có nhiệm vụ nhập điểm trên CSDL ngành. Hạn chót: 22/5/2026.

7. Tự kiểm tra, giám sát và nghiệm thu chất lượng dạy và học

- Thành lập tổ kiểm tra giám sát kỳ kiểm tra cuối học kỳ II. Việc kiểm tra được tiến hành từ khâu bảo quản đề, coi kiểm tra, chấm kiểm tra cũng như xử lý các trường hợp sai phạm.

- Tiến hành lưu trữ các hồ sơ có liên quan đến kỳ kiểm tra cũng như việc rút kinh nghiệm trong việc tổ chức kiểm tra.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kì cuối học kỳ II

- Thành lập hội đồng kiểm tra, ban hành các quyết định liên quan đến kì kiểm tra.

- Tổ chức kì kiểm tra theo kế hoạch, đúng quy định đạt hiệu quả.

2. Tổ trưởng chuyên môn

- Chỉ đạo họp tổ chuyên môn, triển khai kế hoạch.

- Tổ chức ôn tập cho học sinh hiệu quả.

- Xây dựng ma trận thống nhất trong toàn trường, duyệt đề kiểm tra trước khi nộp ban giám hiệu.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung báo cáo theo chỉ đạo.

3. Đối với giáo viên

- Phổ biến kế hoạch kiểm tra cuối học kỳ II chi tiết tới học sinh và phụ huynh học sinh lớp mình phụ trách.

- Tham gia công tác kiểm tra đánh giá học sinh theo kế hoạch và các nội dung chỉ đạo của ban giám hiệu.

4. Đối với học sinh

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo yêu cầu, hướng dẫn của giáo viên.
- Được hướng dẫn ôn tập kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm bài kiểm tra đạt hiệu quả cao nhất.
- Vào phòng thi đúng thời gian quy định, chuẩn bị sẵn đầy đủ dụng cụ học tập bao gồm: bút mực, màu vẽ, thước kẻ.
- Thực hiện các quy trình làm bài kiểm tra theo hướng dẫn của giáo viên coi kiểm tra.
- Phải nộp bài đúng thời gian quy định, không sao chép nhìn bài của bạn.
- Không sử dụng bút chì, không sử dụng bút xóa được, không dùng bút xóa, máy tính khi làm bài kiểm tra.
- Nếu gặp vấn đề về sức khỏe không thể làm bài kiểm tra phải thông báo cho giáo viên.

Trên đây là kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II năm học 2025 – 2026 cấp Tiểu học của trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm, yêu cầu các bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo;
- Giáo viên (*Để thực hiện*);
- Lưu: VT (HL).

